

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: Phó giáo sư

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☐; Giảng viên thỉnh giảng ☒

Ngành: Sinh học Chuyên ngành: Ký sinh trùng học

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: NGUYỄN VĂN HÀ

2. Ngày tháng năm sinh: 09/04/1975; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: Thị trấn huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 17, ngõ 74, Trường Chinh, Đống Đa, Hà Nội

6. Địa chỉ liên hệ: Phòng 519, Nhà A11, Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, 18 Hoàng Quốc Việt, Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại di động: +84.9898.36727

E-mail: hanguyenvans@yahoo.com

7. Quá trình công tác:

Từ năm 1999 đến nay: Phòng Ký sinh trùng học, Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

Chức vụ hiện nay:

- Trưởng phòng Ký sinh trùng học, Viện Sinh thái và TNSV

- Chủ nhiệm Bộ môn Ký sinh trùng, Khoa Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, Học viện Khoa học và Công nghệ.

Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng phòng, Chủ nhiệm bộ môn Ký sinh trùng

Cơ quan công tác hiện nay: Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật

Địa chỉ cơ quan: Nhà A11, 18 Hoàng Quốc Việt, Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại cơ quan: +84.4.3836.0169

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học:

- Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, Viện Hàn lâm KHCNVN;
- Trường Đại học Duy Tân, Đà Nẵng;
- Học viện Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm KHCNVN;
- Trường Đại học Vinh, Nghệ An

8. Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối:

- Học viện Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm KHCNVN;
- Trường Đại học Vinh, Nghệ An.

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 9/4/2000; số văn bằng: B130898; ngành: Sinh học; chuyên ngành: khoa học đất. Nơi cấp bằng ĐH: Trường Khoa học tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Được cấp bằng ThS ngày 24/12/2004; số văn bằng: A013997; ngành: Sinh học, chuyên ngành: Động vật học. Nơi cấp bằng ThS: Đại học Thái Nguyên.

- Được cấp bằng TS ngày 1/2/2012; số văn bằng: 000956; ngành: Sinh học, chuyên ngành: Ký sinh trùng học. Nơi cấp bằng TS: Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: Chưa

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐCS:

Học viện Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm KHCNVN.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Sinh học.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Hướng nghiên cứu chính: Phân loại, hệ thống học, sinh học, sinh thái và dịch tể ký sinh trùng.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn phụ **01** NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đang hướng dẫn **01** NCS làm luận án TS khoá 2021-2024;
- Đã hướng dẫn **06** HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;
- Đã hoàn thành **01** đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước (NAFOSTED) và **01** dự án nghiên cứu khoa học cấp bộ (Dự án điều tra cơ bản).
- Số lượng sách đã xuất bản: **01** sách chuyên khảo thuộc Nhà xuất bản Khoa học tự nhiên và Công nghệ.
- Đã công bố **98** bài báo khoa học, gồm có **43** bài báo trên tạp chí ISI, **10** bài báo trên tạp chí quốc tế có mã ISSN, **27** bài báo trên tạp chí quốc gia và **16** bài báo hội thảo quốc gia.

Liệt kê 5 công trình khoa học tiêu biểu nhất:

(1) Amin OM, Nguyen VH, Ha DN (2011). First report of *Neoechinorhynchus* (Acanthocephala: Neoechinorhynchidae) from marine fish of the eastern seaboard of

Vietnam, with the description of six new species. *Parasite*, 18: 21-34. (Bài báo ISI uy tín, IF: 2,09; số trích dẫn: 25).

(2) Kritsky DC, Nguyen VH, Ha DN, Heckmann RA (2016). Revision of *Metahaliotrema* Yamaguti, 1953 (Monogeneoidea: Dactylogyridae), with new and previously described species from the spotted scat *Scatophagus argus* (Linnaeus) (Perciformes: Scatophagidae) in Vietnam. *Systematic Parasitology*, 93(4): 321-335. (Bài báo ISI, IF: 1,5).

(3) Atopkin DM, Besprozvannykh VV, Ngo HD, Nguyen VH, Nguyen VT and Chalenko K (2019). A new subfamily Pseudohaploporinae subfam. n. (Digenea: Haploporidae) with morphometric and molecular analyzes of two new species, *Pseudohaploporus vietnamensis* n. g., sp. n. and *P. planilizum* n. g., sp. n. from Vietnamese mullet fish. *Parasitology International*, 69: 17-24. (Bài báo ISI, IF: 2,04).

(4) Atopkin DM, Nakao M, Besprozvannykh VV, Ha DN, Nguyen VH and Sasaki M (2019). Morphological and molecular data for species of *Lecithaster* Lühe, 1901 and *Hysterolecithoides* Yamaguti, 1934 (Digenea: Lecithasteridae) from fish of East Asia and phylogenetic relationships within the Hemiuroidea Looss, 1899. *Journal of Helminthology*, 93(1): 1-13. (Bài báo ISI uy tín, IF: 1,54).

(5) Phan TV, Bui NT, Nguyen VH, Murrell D (2016). Comparative risk of liver and intestinal fluke infection from either wild-caught or cultured fish in Vietnam. *Vector-Borne and Zoonotic Diseases*, 16(12): 790-796. (Bài báo ISI, IF: 2,35).

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở các năm 2015, 2016, 2017.

16. **Kỷ luật** (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): *Không*

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Theo Quyết định số 37/2018/QĐ-Ttg ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ, tôi tự nhận thấy có phẩm chất, đạo đức, những kết quả trong nghiên cứu khoa học và đào tạo phù hợp với tiêu chuẩn và nhiệm vụ nhà giáo.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 08 năm (2013 đến nay).

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ:

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2015-2016		01 (22)	01 (70)			90	90/254/135
2	2016-2017		01 (22)	01 (70)			135	135/326/135
3	2017-2018			02 (140)			45	45/212/108

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức ^(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
03 năm học cuối								
4	2018-2019						90	90/144/108
5	2019-2020			02 (70)			49	49/148,4/108
6	2020-2021	01 (33,3)					45	45/123,3/80

(*)- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☐

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Chứng chỉ tiếng Anh C, số chứng chỉ: C822066, Viện Đại học mở Hà Nội cấp ngày 29/6/2000.

4. Hướng dẫn NCS, HVCH đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Lã Thị Loan		x	x		2014-2016	Trường ĐH Vinh	16/9/2016
2	Đình Công Bình		x	x		2015-2017	Trường ĐH Vinh	12/9/2017
3	Nguyễn Thị Hoàng Hà		x	x		2015-2017	Viện Sinh thái & TNSV	23/2/2018
4	Nguyễn Văn Cường		x	x		2015-2017	Viện Sinh thái & TNSV	23/2/2018
5	Bùi Ngọc Thanh	x			x	2014-2018	Học viện KHCN	9/7/2018

6	Nguyễn Thị Thu Vân		x		x	2017-2019	Học viện KHCN	19/11/2019
7	Nguyễn Thị Kim Dung		x	x		2018-2020	Trường ĐH Vinh	15/9/2020
8	Nguyễn Thị Hoàng Hà	x		x		2021-2025	Học viện KHCN	Chưa có

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
II	Sau khi được công nhận TS						
1	Giáp xác chân chèo (Copepoda) ký sinh trên cá ở Việt Nam	CK	Nxb Khoa học tự nhiên và Công nghệ, 2020	5		145-251	Quyết định số 950/QĐ-HVKHCN của Giám đốc Học viện Khoa học và Công nghệ, ngày 11/6/2021

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
1	Đề tài HTQT với Nga: Điều tra thành phần loài giun sán ký sinh ở một số loài cá tại vùng biển ven bờ Đông Bắc Việt Nam	TK	VAST	1/2011-12/2012	Nghiệm thu ngày 15/4/2013. Xếp loại “Xuất sắc”
2	Đề tài Nafosted: Nghiên cứu đa dạng loài ký sinh trùng ở cá ven biển vịnh Bắc bộ, ứng dụng phương pháp sinh học phân tử trong phân loại	CN	106.15-2012.08, cấp Nhà nước	4/2013 - 3/2016	Nghiệm thu ngày 05/01/2016. Xếp loại “Đạt”
3	Dự án ĐTCB: Điều tra, đánh giá tác hại của bệnh ký sinh trùng ở một số loài cá có giá trị kinh tế cao ở bờ biển ven bờ bắc Việt Nam	CN	VAST.ĐTCB. 01/13-14, cấp Bộ	1/2013 - 12/2016	Nghiệm thu ngày 05/04/2017. Xếp loại “Xuất sắc”
4	Dự án 47: Điều tra khu hệ ký sinh trùng gây hại ở hệ sinh thái biển Việt Nam	TK	VAST.ĐA47.12/16-19, cấp Nhà nước	1/2016-12/2019	Nghiệm thu ngày 07/05/2021. Xếp loại “Xuất sắc”

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài;

CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố.

7.1.1. Trước khi bảo vệ luận án TS (từ năm 2000 đến trước tháng 9/2011)

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí / kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Năm công bố
I Bài báo ISI								
1	Revision of the Genus <i>Pallisentis</i> (Acanthocephala: Quadrigyridae) with the Erection of Three New Subgenera, the Description of <i>Pallisentis</i> (<i>Brevitritospinus</i>) <i>vietnamensis</i> subgen. et sp. n., a Key to Species of <i>Pallisentis</i> , and the Description of a New Quadrigyrid Genus, <i>Pararaosentis</i> gen. n.	5		Comparative Parasitology 1525-2647	Q3 IF: 0,484	38	67(1): 40-50	2000
2	On the immature stages of <i>Pallisentis</i> (<i>Pallisentis</i>) <i>celatus</i> (Acanthocephala: Quadrigyridae) from occasional fish hosts in Vietnam	3		Raffles Bulletin of Zoology 0217-2445	Q3 IF: 0,958	27	52(2): 593-598	2004
3	Four New Species of Acanthocephalans from Birds in Vietnam	3		Comparative Parasitology 1525-2647	Q3 IF: 0,484	18	75(2): 200-214	2008
4	On a new acanthocephalan family and a new order, from birds in Vietnam	2		Journal of Parasitology 0022-3395	Q3 IF: 1,109	22	94(6): 1305-1310	2008
5	New and Already Known Acanthocephalans From Amphibians and Reptiles in Vietnam, with Keys to Species of <i>Pseudoacanthocephalus</i> Petrochenko, 1956 (Echinorhynchidae) and	3		Journal of Parasitology 0022-3395	Q3 IF: 1,109	43	94(1): 181-189	2008

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí / kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Năm công bố
	<i>Sphaerechinorhynchus</i> Johnston and Deland, 1929 (Plagiorhynchidae)							
6	New and already known Acanthocephalans mostly from mammals in Vietnam, with descriptions of two new genera and species in Archiacanthocephala	3		Journal of Parasitology 0022-3395	Q3 IF: 1,109	21	94(1): 194-201	2008
7	First report of <i>Neoechinorhynchus</i> (Acanthocephala: Neoechinorhynchidae) from marine fish of the eastern seaboard of Vietnam, with the description of six new species	3		Parasite 1252-607X	Q2 IF: 2,09	25	18: 21-34	2011
8	Description of two new species of <i>Rhabdinorhynchus</i> (Acanthocephala: Rhabdinorhynchidae) from marine fishes in Halong Bay, Vietnam, with key to species	3		Acta Parasitologica 1230-2821	Q4 IF: 1,019	45	56(1): 67-77	2011
9	Description of <i>Heterosentis holospinus</i> n. sp. (Acanthocephala: Arhythmacanthidae) from the striped eel catfish <i>Plotosus lineatus</i> in Halong Bay, Vietnam, with a key to species of <i>Heterosentis</i> and reconsideration of the subfamilies of Arhythmacanthidae	3		Comparative Parasitology 1525-2647	Q3 IF: 0,484	18	78(1): 29-38	2011
10	On four species of echinorhynchid acanthocephalans from marine fish in Halong	2		Parasitology Research 0932-0113	Q3 IF: 2,26	17	109: 841-847	2011

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí / kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Năm công bố
	Bay, Vietnam, including the description of three new species and a key to species of <i>Gorgorhynchus</i>							

II. Bài báo quốc tế khác

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí	ISSN	Số trích dẫn	Tập, số, trang	Năm công bố
11	To fauna of monogeneans (Plathelminthes, Monogenea) of marine fishes in Vietnam. I. <i>Ligophorus</i> spp. from <i>Valimugil engeli</i> Bleeker (Pisces, Mugilidae)	5		Isv. TINRO	2658-5510	5	165: 196-208	2011
12	To fauna of monogeneans (Plathelminthes, Monogenea) of marine fishes in Vietnam. II. <i>Ligophorus</i> spp. from <i>Valimugil seheli</i> (Forskookl) (Pisces, Mugilidae)	5		Isv. TINRO	2658-5510	5	165: 209-215	2011
III Tạp chí quốc gia								
13	Hai loài sán lá (Trematoda) ký sinh ở cá chuối (<i>Ophiocephalus maculatus</i>) mới tìm thấy ở Việt Nam.	4	Là tác giả chính	Tạp chí Sinh học	0866-7160		25(3): 14-16	2003
14	Tình hình nhiễm giun sán ký sinh của một số loài cá nước ngọt ở ngoại thành Hà Nội.	2		Tạp chí Sinh học	0866-7160	1	26(1): 19-24	2004
15	Một loài sán lá gan mới <i>Metorchis kimbangensis</i> sp. nov. (Trematoda:	1	Là tác giả chính	Tạp chí Sinh học	0866-7160	1	27(2): 21-24	2005

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí	ISSN	Số trích dẫn	Tập, số, trang	Năm công bố
	Opisthorchiidae) ký sinh ở cá nheo (<i>Parasilurus asotus</i>) ở Việt Nam.							
16	Bổ sung một số dẫn liệu mới về giun sán nội ký sinh ở cá chép (<i>Cyprinus capio</i>) ở Việt Nam.	2	Là tác giả chính	Tạp chí Sinh học	0866-7160		27(3A): 12-16	2005
17	Ba loài sán lá (Trematoda) ký sinh ở một số loài ếch nhái ở Việt Nam.	3	Là tác giả chính	Tạp chí Sinh học	0866-7160		27(3A): 20-24	2005
18	Năm loài giun tròn (Nematoda) ký sinh ở cá nước ngọt vùng đồng bằng sông Hồng.	3	Là tác giả chính	Tạp chí Sinh học	0866-7160		27(4): 28-35	2005
19	Tình hình nhiễm ấu trùng của sán lá phổi (<i>Paragonimus</i>) tại tỉnh Yên Bái.	4		Tạp chí Sinh học	0866-7160	2	28(4): 1-4	2006
20	Định loại và phân biệt hai dạng <i>metacercaria</i> của sán lá phổi thu từ cua suối <i>Potamiscus tannanti</i> Rathbun, 1904 tại tỉnh Yên Bái.	4		Tạp chí Sinh học	0866-7160		29(1): 6-9	2007
21	Loài sán lá đơn chủ mới, <i>Eudiplozoon cyprini</i> n. sp. (Oligonchoinea: Diplozoidae) ký sinh ở cá chép.	2	Là tác giả chính	Tạp chí Sinh học	0866-7160		30(3): 23-26	2008
22	Kết quả nghiên cứu tình hình nhiễm giun sán và giáp xác ký sinh ở cá vùng biển Hải Phòng.	4		Tạp chí Sinh học	0866-7160	2	31(1): 1-8	2009
23	Dẫn liệu về thành phần loài sán lá ký sinh ở chuột nhà (<i>Rattus flavipectus</i>) hai tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh và mô tả loài <i>Centrocestus formosanus</i>	3		Tạp chí Sinh học	0866-7160	3	31(1): 9-13	2009

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí	ISSN	Số trích dẫn	Tập, số, trang	Năm công bố
	(Heterophyidae) lần đầu tiên phát hiện ở chuột Việt Nam.							
24	Nghiên cứu ký sinh trùng ở rắn ráo trâu (<i>Ptyas mucosus</i>) đang được nhân nuôi tại Nghệ An.	3		Tạp chí ĐH Sư phạm Vinh	1859-2228		38: 5-9	2009
25	Tình hình nhiễm giun sán ký sinh ở một số loài ếch nhái (Amphibia) tại khu vực vườn quốc gia Pù Mát, tỉnh Nghệ An.	4		Tạp chí Sinh học	0866-7160		31(2): 16-19	2009
26	Mô tả các loài sán lá thuộc giống <i>Stephanostomum</i> Looss, 1899 (Trematoda: Acanthocolpidae) ký sinh ở cá biển vịnh Bắc bộ.	2	Là tác giả chính	Tạp chí Sinh học	0866-7160	2	32(1): 1-5	2010

IV Kỹ yếu hội nghị khoa học quốc gia

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Kỹ yếu khoa học	Nhà xuất bản	ISBN	Trang	Năm công bố
27	Thành phần loài sán lá ký sinh ở hai loài ếch <i>Rana nigrovittata</i> và <i>Rana verrucospinosa</i> vùng núi phía Bắc Việt Nam	3		Những vấn đề nghiên cứu cơ bản trong khoa học sự sống.	Nxb KH&KT		173-176	2003
28	Giun đầu gai (Acanthocephala) ký sinh ở các loài bò sát ở miền Bắc Việt Nam.	2	Là tác giả chính	Báo cáo khoa học về sinh thái và tài nguyên sinh vật lần thứ nhất.	Nxb. Nông nghiệp		89-95	2005
29	Đa dạng giun sán ký sinh đường ruột ở họ cá chép (Cyprinidae) ở Việt Nam.	4	Là tác giả chính	Những vấn đề nghiên cứu cơ bản trong khoa học sự sống.	Nxb KH&KT		142-145	2005
30	Giun tròn (Nematoda) ký sinh ở một số loài lưỡng cư tại Vườn quốc	4		Những vấn đề nghiên cứu cơ bản trong khoa học sự	Nxb KH&KT		134-137	2005

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Kỹ yếu khoa học	Nhà xuất bản	ISBN	Trang	Năm công bố
	gia Tam Đảo và Xuân Sơn.			sống.				
31	Sán dây (Cestoda) ký sinh ở thạch sùng đuôi sần (Hemidactylus frenatus).	3		Những vấn đề nghiên cứu cơ bản trong khoa học sự sống.	Nxb KH&KT		412-414	2005
32	Một số dẫn liệu về giun sán ký sinh ở cá nước ngọt hồ Ba Bể (Bắc Cạn).	3	Là tác giả chính	Những vấn đề nghiên cứu cơ bản trong khoa học sự sống.	Nxb KH&KT		43-46	2007
33	Kết quả điều tra giun sán ký sinh ở chuột mốc lớn (<i>Rattus bowersi</i>) ở tỉnh Hà Tĩnh.	7		Những vấn đề nghiên cứu cơ bản trong khoa học sự sống.	Nxb KH&KT		100-102	2007
34	Kết quả bước đầu nghiên cứu thành phần loài sán lá và giun đầu gai ký sinh ở ếch nhái tại vườn quốc gia Ba Vì và Tam Đảo.	3		Những vấn đề nghiên cứu cơ bản trong khoa học sự sống.	Nxb KH&KT		129-131	2007
35	Kết quả nghiên cứu tình hình nhiễm sán lá (Trematoda) và giun đầu gai (Acanthocephala) ở một số loài cá nước ngọt phổ biến thuộc vùng đồng bằng sông Hồng.	5	Là tác giả chính	Báo cáo khoa học về sinh thái và tài nguyên sinh vật lần thứ 3.	Nxb. Nông nghiệp		1323-1327	2009
36	Kết quả nghiên cứu tình hình nhiễm giun sán ký sinh trên bộ cá vược (Perciformes) ở vịnh Hạ Long.	6		<i>Trong:</i> Báo cáo khoa học về sinh thái và tài nguyên sinh vật lần thứ 4.	Nxb. Nông nghiệp		241-245	2011
37	Đặc điểm thành phần loài sán lá ở ếch nhái và bò sát ở các tỉnh phía Bắc Việt Nam.	6		Báo cáo khoa học Hội thảo quốc gia về lưỡng cư và bò sát ở Việt Nam lần thứ nhất.	Nxb ĐH Huế		216-224	2009

7.1.2. Sau khi bảo vệ luận án TS (từ tháng 9/2011 đến nay)

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí / kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Năm công bố
I Bài báo ISI								
38	Descriptions of digenean parasites from three snail species, <i>Bithynia fuchsiana</i> (Morelet), <i>Parafossarulus striatulus</i> Benson and <i>Melanoides tuberculata</i> Müller, in North Vietnam	6		Helminthologia 0440-6605	Q4 IF: 0,790	22	50(3): 190-204	2013
39	Acanthocephalans from fishes and amphibians in Vietnam, with descriptions of five new species.	3		Parasite 1252-607X	Q2 IF: 2,09	28	21: 53-70	2014
40	Current status of fish-borne zoonotic trematode infections in Gia Vien district, Ninh Binh province, Vietnam	8		Parasites & Vectors 1756-3305	Q1 IF: 3,43	51	8: 21-30	2015
41	The Trematode <i>Skrjabinolecithum spasskii</i> Belous, 1954 (Digenea: Haploporidae), a Mullet Parasite (Mugilidae) from Peter the Great Bay of the Sea of Japan and from Vietnamese Waters of the Gulf of Tonkin: Morphology and Molecular Data	7		Russian Journal of Marine Biology 1063-0740	Q4 IF: 0,486	5	41(4): 267-275	2015
42	Molecular Genetic Characterization of the Far Eastern Trematode <i>Skrjabinolecithum spasskii</i> , Belous, 1954 (Digenea: Haploporidae), a Parasite of Mullet	5		Molecular Biology 0026-8933	Q4 IF: 1,023	10	49(3): 373-379	2015
43	Comparative risk of liver and intestinal fluke infection from either wild-caught or cultured fish in Vietnam	4		Vector-Borne and Zoonotic Diseases 1530-3667	Q2 IF: 2,356	4	16(12): 790-796	2016
44	The importance of wild fish in the epidemiology of <i>Clonorchis sinensis</i> in Vietnam.	5		Parasitology Research 0932-0113	Q3 IF: 2,26	12	115(9): 3401-3408	2016

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí / kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Năm công bố
45	Two new axinid species (Monogenea: Axinidae) from the Phrao flyingfish <i>Cypselurus naresii</i> (Günther) (Beloniformes: Exocoetidae) in the Gulf of Tonkin off Vietnam	4		Systematic Parasitology 0165-5752	Q3 IF: 1,51	4	93: 387-394	2016
46	Revision of <i>Metahaliotrema</i> Yamaguti, 1953 (Monogeneoidea: Dactylogyridae), with new and previously described species from the spotted scat <i>Scatophagus argus</i> (Linnaeus) (Perciformes: Scatophagidae) in Vietnam	4		Systematic Parasitology 0165-5752	Q3 IF: 1,51	5	93: 321-335	2016
47	Morphometric and molecular analyses of two digenean species from the mullet: <i>Haplospilachnus pachysomus</i> (Eysenhardt, 1829) from Vietnam and <i>Provitellotrema crenimugilis</i> Pan, 1984 from Russian Southern Far East	7		Journal of Helminthology 0022-149X	Q3 IF: 1,540	4	90: 238-244	2016
48	Real-time PCR detection of <i>Neorickettsia</i> spp. in digenean (Platyhelminthes, Trematoda) samples from Egypt, Philippines, Thailand, Vietnam and the United States	8		Parasitology International 1383-5769	Q3 IF: 2,04	13	66: 1003-1007	2017
49	Phylogenetic relationships of Hemiuridae (Digenea: Hemiuroidea) with new morphometric and molecular data of <i>Aphanurus mugilis</i> Tang, 1981 (Aphanurinae) from mullet fish of Vietnam	6		Parasitology International 1383-5769	Q3 IF: 2,04	3	66: 824-830	2017
50	Morphometric and molecular analyses of two digenean species in mugilid fish: <i>Lecithaster mugilis</i> Yamaguti, 1970 from Vietnam and <i>L. sudzuhensis</i>	7		Journal of Helminthology 0022-149X	Q3 IF: 1,540	4	91(3): 326-331	2017

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí / kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Năm công bố
	n. sp. from southern Russian Far East							
51	Morphometric and molecular data of the two digenean species <i>Lasiotocus lizae</i> Liu, 2002 (Monorchidae) and <i>Paucivitellosus vietnamensis</i> sp. n. (Bivesiculidae) from mullet fish in Tonkin Bay, Vietnam	7		Journal of Helminthology 0022-149X	Q3 IF: 1,540	14	91(3): 346-355	2017
52	Descriptions of <i>Neorhadiorhynchus nudum</i> (Cavisomidae) and <i>Heterosentis paraholospinus</i> n. sp. (Arhythmacanthidae) (Acanthocephala) from fish in the Pacific Coast of Vietnam, with notes on biogeography	3		Journal of Parasitology 0022-3395	Q3 IF: 1,109	4	104(5): 486-495	2018
53	Descriptions of acanthocephalans, <i>Cathayacanthus spinitruncatus</i> (Rhadiorhynchidae) male and <i>Pararhadiorhynchus magnus</i> n. sp. (Diplosentidae), from marine fish of Vietnam, with notes on <i>Heterosentis holospinus</i> (Arhythmacanthidae)	4	Là tác giả chính	Parasite 1252-607X	Q2 IF: 2,09	12	25: 35-51	2018
54	Descriptions of <i>Acanthocephalus parallelcementglandatus</i> (Echinorhynchidae) and <i>Neoechinorhynchus</i> (N.) <i>pennahia</i> (Neoechinorhynchidae) (Acanthocephala) from amphibians and fish in Central and Pacific coast of Vietnam, with notes on <i>N. (N.) longnucleatus</i>	3		Acta Parasitologica 1230-2821	Q4 IF: 1,019	8	63(3): 573-586	2018
55	Morphometric and molecular analyses of two digenean species from the	6		Journal of Helminthology	Q3	5	92(6): 713-724	2018

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí / kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Năm công bố
	mullet: <i>Skrjabinoecithum spinosum</i> n. sp. from the Russian southern Far East and <i>Unisaccus tonkini</i> n. sp. from Vietnam.			0022-149X	IF: 1,540			
56	Morphological and molecular data for species of <i>Lecithaster</i> Lühe, 1901 and <i>Hysteroecithoides</i> Yamaguti, 1934 (Digenea: Lecithasteridae) from fish of East Asia and phylogenetic relationships within the Hemiuroidea Looss, 1899	6		Journal of Helminthology 0022-149X	Q3 IF: 1,540		93: 1-13	2018
57	Descriptions of two new acanthocephalans (Rhadinorhynchidae) from marine fish off the Pacific coast of Vietnam	3		Systematic Parasitology 0165-5752	Q3 IF: 1,51		96: 117-129	2018
58	Morphological and molecular description of <i>Rhadinorhynchus laterospinosus</i> Amin, Heckmann & Ha, 2011 (Acanthocephala, Rhadinorhynchidae) from marine fish off the Pacific coast of Vietnam	5		Parasite 1252-607X	Q2 IF: 2,09		26: 14-25	2019
59	A new subfamily, Pseudohaploporinae subfam. n. (Digenea: Haploporidae) with morphometric and molecular analyzes of two new species, <i>Pseudohaploporus vietnamensis</i> n. g., sp. n. and <i>P. planilizum</i> n. g., sp.n. from Vietnamese mullet	6		Parasitology International 1383-5769	Q3 IF: 2,04		69: 17-24	2019
60	Redescription and molecular analysis of <i>Neoechinorhynchus</i> (<i>Neoechinorhynchus</i>) <i>johnii</i> Yamaguti, 1939 (Acanthocephala, Neoechinorhynchidae) from the Pacific Ocean off	5		Parasite 1252-607X	Q2 IF: 2,09		26: 43-58	2019

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí / kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Năm công bố
	Vietnam.							
61	Description of Three New Species of <i>Rhadinorhynchus</i> Lühe, 1911 (Acanthocephala: Rhadinorhynchidae) from Marine Fish off the Pacific Coast of Vietnam.	3		Acta Parasitologica 1230-2821	Q4 IF: 1,019		64: 528-543	2019
62	The Morphological and Molecular Description of <i>Acanthogyrus</i> (<i>Acanthosentis</i>) <i>fusiformis</i> n. sp. (Acanthocephala: Quadrigyridae) from the Catfish <i>Arius</i> sp. (Ariidae) in the Pacific Ocean off Vietnam, with Notes on Zoogeography.	5		Acta Parasitologica 1230-2821	Q4 IF: 1,019		64: 779-796	2019
63	On three species of <i>Neoechinorhynchus</i> (Acanthocephala: Neoechinorhynchidae) from the Pacific Ocean off Vietnam with the molecular description of <i>Neoechinorhynchus</i> (N.) <i>dimorphospinus</i> Amin and Sey, 1996.	4		Journal of Parasitology 0022-3395	Q3 IF: 1,109		105(4): 606-618	2019
64	Morphometric and molecular analyses of <i>Carassotrema koreanum</i> Park 1938 and <i>Elonginurus mugilus</i> Lu 1995 (Digenea: Haploporidae) Srivastava, 1937 from the Russian Far East and Vietnam	6		Parasitology Research 0932-0113	Q3 IF: 2,26		118: 2129-2137	2019
65	Population genetic analysis of trematode <i>Parasaccocoelium mugili</i> Zhukov, 1971 (Haploporidae Nicoll, 1914) from the Russian Far East and Vietnam based on ribosomal ITS and mitochondrial COI gene partial sequence data	3		Parasitology Research 0932-0113	Q3 IF: 2,26		118: 2575-2581	2019

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí / kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Năm công bố
66	Morphological and molecular description of <i>Rhadinorhynchus hiansi</i> Soota and Bhattacharya, 1981 (Acanthocephala: Rhadinorhynchidae) from marine fish off the Pacific Coast of Vietnam.	5		Journal of Parasitology 0022-3395	Q3 IF: 1,109		106(1): 56-70	2020
67	Two new species of <i>Karavolicotyla</i> (Unnithan, 1957) (Monogenea: Heteraxinidae): parasites of two aenid fishes (Perciformes) from Vietnam.	3		Raffles Bulletin of Zoology 0217-2445	Q3 IF: 0,958		68: 434-440	2020
68	Five monogenean species (Allodiscocotylidae, Heteromicrocotylidae, Microcotylidae) from the Pacific seabream <i>Acanthopagrus pacificus</i> (Perciformes: Sparidae) in the Gulf of Tonkin off Vietnam, with descriptions of three new species.	8	Là tác giả chính	Folia Parasitologica 0015-5683	Q3 IF: 1,600		67: 28-42	2020
69	Description and Molecular Differentiation of a New <i>Falcaustra</i> (Nematode: Kathlaniidae) from the Indochinese Water Dragon, <i>Physignathus cocincinus</i> (Squamata: Agamidae) in North-central Vietnam	6	Là tác giả chính	Journal of Parasitology 0022-3395	Q3 IF: 1,109		107(1): 98-107	2021
70	Description and Molecular Differentiation of a New <i>Skrjabinoptera</i> (Nematode: Physalopteridae) from <i>Eutropis macularia</i> (Sauria: ncidiae) in North-Central Vietnam	6		Journal of Parasitology 0022-3395	Q3 IF: 1,109		107(2): 172-178	2021

II. Bài báo quốc tế khác

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí	ISSN	Số trích dẫn	Tập, số, trang	Năm công bố
71	Electron Optics Study (SEM, EDXA) of <i>Diplozoon paradoxum</i> (Nordman, 1832) (Diplozoidae, Trematoda) from the common carp, <i>Cyprinus carpio</i> L. (Cyprinidae, Osteichthyes) in Vietnam with comments on potential host fish	3		Parasitol	1582-1366	4	13(3): 109-117	2012
72	Survey on composition of intestinal helminths in some perciformid species in Tonkin gulf, Vietnam	3	Là tác giả chính	Scientific Journal of DALRYBVTUZ	2222-4661		193-197	2012
73	On monogeneans (Plathelminthes, Monogenea) fauna of marine fishes in Vietnam. III. <i>Ligophorus</i> spp. from mugilids (Pisces: Mugilidae)	5		Isv. TINRO	2658-5510	5	172: 224-236	2013
74	Revision of <i>Isoparorchis</i> Southwell, 1913 (Digenea, Hemiuroidea, Isoparorchiiidae), Parasites of the Air Bladder of Freshwater Catfishes: a Molecular and Morphological Study	7		Bull. Natl. Mus. Nat. ., Ser. A	1881-9052	16	40(1): 15-51	2014
75	<i>Alcirona krebsii</i> Hansen, 1890 (Crustacea: Isopoda: Corollanidae), a parasite copepod species in marine fishes in Vietnam	4		Scientific Journal of DALRYBVTUZ	2222-4661		32: 11-13	2014

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí	ISSN	Số trích dẫn	Tập, số, trang	Năm công bố
76	Parasitic copepods from fish of the genus <i>Mugil</i> (Pisces: Mugiliformes) in fresh and marine waters of Primorsky region	3		Scientific Journal of DALRYBVTUZ	2222-4661		33: 8-15	2014
77	A new trematode species <i>Bianium tonkinensis</i> n. sp. (Digenea, Lepocreadiidae), from Headrabbat puffer <i>Lagocephalus lunaris</i> (Bloch & Schneider, 1801) in the gulf of Tonkin, Vietnam	4	Là tác giả chính	Scientific Journal of DALRYBVTUZ	2222-4661		41: 69-73	2017
78	First report of species <i>Unicapsula andersenae</i> Miller & Adlard, 2013 (Myxozoa: Multivavulida) from the muscles of Hairfinned leatherjacket – <i>Paramonacanthus japonicus</i> (Tilesius, 1809) off Quang Binh Province, Vietnam.	4		Scientific Journal of DALRYBVTUZ	2222-4661		41: 48-55	2017

III. Tạp chí quốc gia

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí	ISSN	Số trích dẫn	Tập, số, trang	Năm công bố
79	Mô tả hai loài sán lá mới <i>Helicometra pisodonophae</i> n. sp. và <i>Opecoelus haduyngoi</i> n. sp. (Trematoda: Opecoelidae) ký sinh ở cá biển vịnh Hạ Long.	1	Là tác giả chính	Tạp chí Sinh học	0866-7160	3	34(2): 134-138	2012
80	Bổ sung các loài sán lá họ Hemiuridae Looss, 1899 (Trematoda: Strigeida) ký sinh trên cá biển vịnh Hạ Long.	5	Là tác giả chính	Tạp chí Sinh học	0866-7160	1	34(3): 288-293	2012
81	Redescription of three	5		Tạp chí Sinh	0866-7160	8	36(1): 1-	2014

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí	ISSN	Số trích dẫn	Tập, số, trang	Năm công bố
	calidid species of the genus Caligus Müller, 1785 (Copepoda: Caligidae), parasites of marine fish Decapterus sp. (Perciformes: Carangidae) from Tonkin Gulf, Vietnam			học			11	
82	Cập nhật thành phần loài giun đầu gai (Acanthocephala) ký sinh ở động vật Việt Nam.	1	Là tác giả chính	Tạp chí Sinh học	0866-7160	2	37(3): 384-394	2015
83	Ấu trùng sán lá ruột (metacercariae) trên cá tự nhiên tại hồ Thác Bà, tỉnh Yên Bái có khả năng lây nhiễm cho người.	5		Tạp chí Nông nghiệp & PTNT	1859-4581		7: 94-101	2016
84	Hiệu quả của praziquantel, nước chanh và rượu trong bất hoạt ấu trùng sán lá gan nhỏ Clonorchis sinensis.	4		Tạp chí Nông nghiệp & PTNT	1859-4581		8: 101-105	2016
85	Sắp xếp lại vị trí các họ sán lá (Digenea) phát hiện ở Việt Nam theo hệ thống phân loại hiện hành	2		Tạp chí Sinh học	0866-7160		39(2): 133-141	2017
86	Một số loài sán lá đơn chủ thuộc họ Ancyrocephalidae ký sinh trên cá biển ở rừng ngập mặn Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh	2		Tạp chí Nông nghiệp & PTNT	1859-4581		14: 114-118	2017
87	Bước đầu nghiên cứu giun tròn ký sinh ở một số loài cá ven bờ tỉnh Quảng Bình	4		Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam	1859-0004		15(11): 1529-1538	2018
88	Nghiên cứu giun tròn ký sinh ở một số loài cá biển tỉnh Khánh Hoà	4		Tạp chí Nông nghiệp & PTNT	1859-4581		14: 70-77	2018
89	Tình hình nhiễm ký sinh trùng ở một số loài	3		Tạp chí Nông nghiệp & PTNT	1859-4581		9: 57-62	2020

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí	ISSN	Số trích dẫn	Tập, số, trang	Năm công bố
	cá kinh tế thuộc vùng biển Vịnh Bắc Bộ, Việt Nam.							
90	An updated list of monogenoidea from marine fishes of Vietnam	3		Tạp chí Sinh học	0866-7160		42(2): 1-27	2020
91	Nghiên cứu thành phần loài giun sán ký sinh ở một số loài thằn lằn thuộc khu vực Bắc Trung Bộ, Việt Nam	6		Tạp chí Nông nghiệp & PTNT	1859-4581		16(2): 110-116	2020

IV Kỹ yếu hội nghị khoa học quốc gia

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Kỹ yếu khoa học	Nhà xuất bản	ISBN	Trang	Năm công bố
92	Mô tả hai loài sán lá thuộc giống <i>Pleorchis</i> Railliet, 1896 (Trematoda: Acanthocolpidae) ký sinh trên cá biển vịnh Bắc bộ, Việt Nam.	3		Báo cáo khoa học về sinh thái và tài nguyên sinh vật lần thứ 5	Nxb. Nông nghiệp	978-604-60-0730-2	227-230	2013
93	Kết quả nghiên cứu tình hình nhiễm sán lá ký sinh ở cá biển ven bờ từ Hải Phòng đến Quảng Bình.	4		Báo cáo Hội nghị Ký sinh trùng học toàn quốc lần thứ 42, Nghệ An	Nxb KHTN & CN	978-604-913-380-0	249-255	2015
94	Bước đầu nghiên cứu thành phần loài giun tròn ký sinh ở giống cá nhệch (Ophichthidae: Pisodonophis) ở biển ven bờ tỉnh Nam Định.	5		Báo cáo khoa học về sinh thái và tài nguyên sinh vật lần thứ 6	Nxb KHTN & CN	978-604-913-408-1	544-550	2015
95	Mô tả hai loài sán lá (Trematoda: Opecoelidae) ký sinh ở cá Mú vùng vịnh Bắc Bộ, Việt Nam.	5		Báo cáo Hội nghị ký sinh trùng học toàn quốc lần thứ 43, Đắk Lắk	Nxb KHTN & CN	978-604-913-442-5	82-86	2016
96	Nghiên cứu thành phần loài giun tròn ký sinh ở một số loài cá thuộc bộ cá Vược ở biển ven bờ	5		Báo cáo khoa học về Sinh thái và tài nguyên sinh	Nxb KHTN & CN	978-604-913-615-3	170-175	2017

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Là tác giả chính	Kỷ yếu khoa học	Nhà xuất bản	ISBN	Trang	Năm công bố
	Hải Phòng.			vật lần thứ 7				
97	Mô tả bốn loài sán lá đơn chủ thuộc họ Diplectanidae và Mazocraeidae ở khu vực rừng ngập mặn Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh.	2		Báo cáo khoa học về Sinh thái và tài nguyên sinh vật lần thứ 7	Nxb KHTN & CN	978-604-913-615-3	664-669	2017
98	Mô tả ba loài sán lá (Trematoda: Cryptogonimidae) ký sinh ở cá biển Việt Nam.	4		Kỷ yếu Hội nghị Ký sinh trùng toàn quốc lần thứ 46, Hà Nội	Nxb Học viện Nông nghiệp	978-604-924-387-5	182-186	2019

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS: 03

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

b) Hoạt động đào tạo

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2021

Xác nhận của cơ quan công tác

VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Văn Sinh

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Văn Hà